

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA (phần Nông nghiệp)
“Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu
quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, Cam Thanh, huyện Cam Lộ
Hợp phần 3: Hỗ trợ thực hành NN thông minh thích ứng biến đổi khí hậu
Dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7)**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP & PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Hiệp định tài trợ khoản vay số 5352-VN ngày 24/04/2014 giữa Nước CHXHCN Việt Nam và Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA);

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-BNN-XD ngày 26/5/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt dự án đầu tư dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị thuộc dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7);

Căn cứ Công văn số 776/BNN-TT ngày 17/01/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc điều chỉnh mô hình CSA thuộc Hợp phần 3 dự án WB7;

Xét tờ trình số 355/TTr-DAWB7 ngày 09/12/2016 của Ban QLDA Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị về việc xin thẩm định và phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, Cam Thanh, huyện Cam Lộ thuộc Hợp phần 3 dự án thành phần Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị (WB7);

Theo đề nghị của Chi cục Trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại kết quả thẩm định số 493/TTBVTV – T.Trọt ngày 23/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo thiết kế mô hình thực hành CSA (phần Nông nghiệp) “Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích” tại thôn An Bình, Cam Thanh, huyện Cam Lộ với những nội dung chính sau:

1. Tên mô hình: Cánh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích.

2. Địa điểm xây dựng: thôn An Bình, Cam Thanh, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị.



3. Diện tích triển khai mô hình: 12,90 ha.

4. Tên dự án thành phần: Cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Quảng Trị.

5. Tên dự án: Cải thiện nông nghiệp có tưới do WB tài trợ (WB7).

6. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị.

7. Đại diện Chủ đầu tư: Ban QLDA cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị.

8. Nhà thầu tư vấn CSA: Liên danh Viện nước Tưới tiêu và Môi trường – Viện khoa học kỹ thuật Nông nghiệp duyên hải Nam Trung bộ.

9. Nhiệm vụ, các hoạt động thực hiện chính của mô hình:

9.1. Nhiệm vụ:

Tăng cường năng lực cung cấp các dịch vụ nông nghiệp nhằm thúc đẩy việc nhân rộng các thực hành và các hệ thống CSA;

Phổ biến kiến thức về CSA, đào tạo các thực hành và hỗ trợ mở rộng ứng dụng các thực hành CSA bền vững;

Thực hiện điều tra cơ bản khi bắt đầu triển khai và khi kết thúc dự án để đánh giá các kết quả đầu ra của dự án trong tỉnh (So sánh các chỉ số trước và sau dự án);

Tổ chức hội thảo để các bên liên quan thảo luận, đánh giá các hệ thống CSA và các hoạt động, rút bài học kinh nghiệm và đề xuất kiến nghị phục vụ phát triển CSA.

9.2. Cơ cấu cây trồng và biện pháp kỹ thuật canh tác thực hiện mô hình:

9.2.1 Cơ cấu cây trồng: Lúa Đông Xuân (giống Thiên ưu 8) và Hè Thu (giống Bắc Thơm số 7).

9.2.2. Các biện pháp kỹ thuật canh tác chính:

- Sử dụng giống có thời gian sinh trưởng ngắn ngày và cực ngắn (< 125 ngày trong vụ Đông Xuân và < 90 ngày trong vụ Hè Thu);

- Phẩm cấp hạt giống là xác nhận hoặc nguyên chủng;

- Sử dụng phương thức sạ hàng với lượng giống 70 kg/ha;

- Bón phân hợp lý dựa trên việc điều tiết lượng phân đạm theo bảng so màu lá, và điều tra phân tích hệ sinh thái hàng tuần để quyết định bón phân và biện pháp quản lý dịch hại;

- Tưới nước tiết kiệm theo kỹ thuật ướt khô xen kẽ khi hạ tầng đồng ruộng đã được nâng cấp;

- Ứng dụng cơ giới hóa trong các công đoạn làm đất, gieo sạ, thu hoạch và cuốn rơm;

- Xử lý gốc rạ sau thu hoạch bằng chế phẩm vi sinh để làm phân bón hữu cơ;

10. Kinh phí thực hiện mô hình (phần Nông nghiệp): 1.202.566.000 VNĐ đồng
(Bằng chữ: Một tỷ, hai trăm linh hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)

Trong đó:

- **Nguồn Tài chính từ dự án:** 971.037.000 đồng

+ Vốn PPMU quản lý và sử dụng là: 737.646.000 đồng

+ Vốn giao HTX quản lý và sử dụng là: 233.391.000 đồng

- **Nguồn vốn đóng góp của nông dân:** 231.529.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục dự toán kèm theo.)

11. Nguồn vốn: Vốn vay WB Hợp phần 3 dự án WB7 Quảng Trị.

Điều 2. Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ theo nội dung quyết định này thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà Tài trợ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Ban quản lý dự án Cải thiện nông nghiệp có tưới (WB7) tỉnh Quảng Trị, Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Ban CPO;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Trị;
- Tổ hỗ trợ kỹ thuật HP 3 của Sở;
- Lưu: VT, TTVBVTV.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Hiền



PHỤ LỤC DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI PHÍ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CSA (PHẦN NÔNG NGHIỆP)

“Cảnh đồng lớn sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng hàng hóa và nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích”

tại thôn An Bình, Cam Thanh, huyện Cam Lộ

Dự án Cải thiện nông nghiệp có tuổi tỉnh Quảng Trị (WB7

(Kèm theo Quyết định số 680/QĐ-SNN ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Diện tích:	Ha x Vụ			25,8		25,8		51,6			
I	Hệ thống tưới/Tiêu							-			-	
II	Chi phí hỗ trợ dụng cụ sản xuất			171.450				171.450		159.450		12.000
1	Bình phun chế phẩm Trichoderma bằng điện (Mega)	cái	5,0	7.500,0					5	7.500	7.500	
2	Công cụ sạ hàng	cái	6,0	12.000,0					6	12.000		12.000
3	Công cụ làm cỏ bằng tay	cái	5,0	15.000,0					5	15.000	15.000	
4	Thiết bị cuốn rom MRB0850 - STAR (bộ phận công tác)	cái	1,0	135.000,0					1	135.000	135.000	
5	Chi cuốn rom	kg	15,0	750,0					15,0	750	750	
6	Ổng đo mực nước trên ruộng	Cái	60,0	1.200,0					60	1.200	1.200	
III	Chi phí hỗ trợ giống, vật tư, phân bón					224.460		224.460		448.920		217.391
1	Giống	Kg			1.806,0	34.314	1.806,0	34.314	3.612,0	68.628		68.628
2	Phân bón					165.378		165.378		330.756		99.227
	Urea	Kg			5.160,0	41.280	5.160,0	41.280	10.320,0	82.560		24.768
	Lân super	Kg			10.320,0	36.120	10.320,0	36.120	20.640,0	72.240		21.672
	Kali Clorua	Kg			3.096,0	23.220	3.096,0	23.220	6.192,0	46.440		13.932
	Phân HCVS	Kg			15.480,0	40.248	15.480,0	40.248	30.960,0	80.496		24.149

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	Vôi bột	Kg			12.900,0	19.350	12.900,0	19.350	25.800,0	38.700		11.610
	Phân bón lá (Atonik, Kali Humat...)	Lít			51,6	5.160	51,6	5.160	103,2	10.320		3.096
3	Chế phẩm Trichoderma	Kg			103,2	24.768	103,2	24.768	206,4	49.536		49.536
IV	Chi phí khác			-		281.298		281.298		582.196	578.196	4.000
1	Đào tạo, tập huấn			-		-		-		-	-	-
	Tổ chức họp nông dân, thảo luận về các kế hoạch, lập kế hoạch, dự báo thị trường, thời tiết, sâu bệnh hại, đánh giá, rút kinh nghiệm (2 lớp/ vụ x 2 vụ/năm)	Lớp			4	-	4	-	8	-		-
	Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật sản xuất lúa và quy trình quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình thủy lợi cho toàn bộ ND tham gia MH trước mỗi vụ (2 lớp/ vụ 2 vụ/năm)	Lớp			4	-	4	-	8	-		
	Huấn luyện nông dân Quản lý dịch hại theo IPM cải tiến (1 lớp/ vụ x 2 vụ/năm x 2 năm)	Lớp			2	-	2	-	4	-		
2	Hỗ trợ cán bộ chỉ đạo thực hiện MH (01 cán bộ đi chỉ đạo 5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)			-		22.400		22.400		44.800	44.800	
	Khoán xăng xe, khấu hao xe (15 km/lượt x 2 lượt/lần x 20 lần/vụ x 2 vụ x 2.000đ/km)	Km			1.200	2.400	1.200	2.400	2.400	4.800	4.800	
	Phụ cấp lưu trú (5 lần/tháng x 2 ngày/lần x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	Ngày			80	12.000	80	12.000	160	24.000	24.000	
	Khoán tiền nghỉ trọ (1 đêm/lần x 5 lần/tháng x 4 tháng/vụ x 2 vụ/năm)	Đêm			40	8.000	40	8.000	80	16.000	16.000	
3	Hội nghị đầu bờ (92 người/HN x 2	H.			4,0	38.600	4,0	38.600	8,0	77.200	77.200	

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Cả 3 năm		Vốn hỗ trợ từ dự án giao	
			Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	Số lượng	Giá trị (1.000đ)	PPMU	HTX
	HN/vụ x 4 vụ)	Nghị										
4	Chi phí cho sử dụng bản tin dự báo khí tượng nông nghiệp phục vụ cho các buổi họp			9.800				9.800		19.600	19.600	
	Chi phí mua thông tin khí tượng thủy văn (gồm 4 bản tin (1 bản tin tháng, 3 bản tin tuần)/tháng x 7 tháng/năm)	Tháng		7.000	7	7.000	7	7.000	14	14.000	14.000	
	Hỗ trợ công biên soạn bản tin Khí tượng nông nghiệp (0.5 công/1 bản tin x 4 bản tin/tháng = 2 công /tháng x 7 tháng/năm)	Công		2.800	14	2.800	14	2.800	28	5.600	5.600	
5	Giám sát, đánh giá phát thải khí nhà kính	Vụ		218.298	2	218.298	2	218.298	4	436.596	436.596	
6	Bảng biểu mô hình	Cái		2.000	2	2.000	2	2.000	4	4.000		4.000
	Tổng chi hỗ trợ cho mô hình			505.758		505.758		505.758		1.202.566	737.646	233.391